TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 371/2024/HS-PT
Ngày 25-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tất Nam;
Các Thẩm phán: bà Lê Thị Mai;
ông Nguyễn Văn Cường.

- ***Thư ký phiên toà***: bà Hoàng Hải An - Thư kí Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:*** bà Phạm Thị Minh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại các điểm cầu trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 285/2024/TLHS-PT ngày 04 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo Lê Thị Thanh X, do có kháng cáo của các bị hại đối với Bản án số 25/2024/HS-ST ngày 25-01-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Bị cáo bị kháng cáo:

Lê Thị Thanh X sinh ngày 01-8-1970; trú tại: xóm T, xã B, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: hưu trí; con ông Lê Văn S và bà Nguyễn Thị C (đều đã chết); có chồng là Nguyễn Bá H (đã chết) và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt giam ngày 25-3-2023; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Trần Quốc V - Công ty luật TNHH V, Đoàn Luật sư tỉnh Nghệ An; có mặt.

- *Người bị hại kháng cáo:*

+ Bà Ngô Thị M sinh năm 1968; trú tại: xóm x, xã S, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; có mặt.

+ Ông Tô Văn T sinh năm 1964; trú tại: khối x, phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An; có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị C sinh năm 1968; trú tại: xóm T, xã B, huyện Đ, tỉnh nghệ An; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Từ tháng 11/2021 đến tháng 3/2022, Lê Thị Thanh X đã nhiều lần sử dụng các thủ đoạn gian dối, chiếm đoạt tiền của bà Ngô Thị M, ông Tô Văn T, anh Hoàng Văn Đ và bà Nguyễn Thị C với tổng số tiền 6.780.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: thông qua mối quan hệ quen biết bạn bè với bà Ngô Thị M nên khoảng tháng 11/2021, Lê Thị Thanh X chủ động liên hệ với bà M kêu gọi góp tiền chung mua đất. Do tin tưởng X là giáo viên nghỉ hưu, bà M không hỏi X mua đất ở địa chỉ đâu và khi X yêu cầu, bà M đã đưa tiền mặt 500.000.000 đồng cho X. Để cho bà M tin tưởng X đã gian dối đưa cho bà M giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phô tô màu số DB862528 mang tên Lê Thị Thanh X thửa đất 1589 tờ bản đồ số 14 thuộc xóm T, xã B, huyện Đ với mục đích làm tin. Thửa đất nêu trên là có thật nhưng X đã đem chuyển quyền sử dụng đất đó cho bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1954, trú tại xã Y, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Do tin tưởng lời X là thật, nên bà M tiếp tục đưa tiền mặt nhiều lần cho X với số tiền 580.000.000 đồng. Tổng số tiền bà M đã đưa cho X 1.080.000.000 đồng để mua đất. Sau khi nhận tiền của bà M xong, X không thực hiện như cam kết mà sử dụng vào mục đích cá nhân. Thời gian sau bà M phát hiện X nợ tiền của nhiều người và không thực hiện như cam kết nên bà M đã nhiều lần yêu cầu X trả lại tiền nhưng không trả và hứa lần này đến lần khác. Sau đó X đã trả cho bà M số tiền 400.000.000 đồng và đến tháng 7/2022 X tiếp tục trả 70.000.000 đồng cho bà M. Tổng số tiền X đã chiếm đoạt của bà Ngô Thị M là 1.080.000.000 đồng. Bà M có đơn yêu cầu trả lại số tiền 610.000.000 đồng. Ngoài ra X đã đưa cho bà M 140.000.000 đồng gọi là tiền lộc mua bán đất.

Vụ thứ hai: thông qua mối quan hệ X là cháu bên vợ của ông Tô Văn T (sinh năm 1964, trú tại khối x, phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An) nên ngày 12/12/2021 X đã gọi điện cho ông T mời tham gia góp tiền cùng X để đầu tư mua 01 thửa đất tại huyện Đ, tỉnh Nghệ An, lợi nhuận sẽ chia đôi nên ông T đồng ý. Đến ngày 14/12/2021, X liên lạc yêu cầu ông T chuyển số tiền 1.000.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng Agribank số 36032150xxxxx (Le Thi Thanh Xuan) của X để mua đất. Do tin tưởng lời của X là chỗ người nhà nên ông T đã chuyển 1.000.000.000 đồng theo yêu cầu của X mà không hỏi thông tin cụ thể về thửa đất. Sau đó, X thông báo với ông T rằng thửa đất này đã bán cho khách lời được gần 700.000.000 đồng nên sẽ chia cho ông T số tiền 340.000.000 đồng, nhưng do khách chưa chuyển hết tiền nên chưa thể đưa tiền gốc và tiền lời cho ông T. Đến ngày 21/12/2021, X tiếp tục gọi điện thoại cho ông T nói rằng có một thửa đất đẹp có giá trị khoảng 2.000.000.000 đồng và yêu cầu ông T chuyển số tiền 1.000.000.000 đồng cho X để tiếp tục mua đất nhằm mục đích đầu tư.

Sau khi nhận được tiền từ ông T 2.000.000.000 đồng thì X cam kết rằng sau 01 tháng sẽ hoàn trả 2.000.000.000 đồng tiền gốc kèm theo 740.000.000 đồng tiền lời thu về từ việc bán hai thửa đất cho ông T, nhưng thực chất là khi nhận tiền của ông T xong, X không thực hiện như cam kết mà đem sử dụng trả nợ cá nhân. Đến hẹn không thấy X trả tiền như đã cam kết nên ông T nhiều lần

đến nhà yêu cầu X trả tiền thì X viết giấy hẹn đến ngày 05/9/2022 X sẽ hoàn trả toàn bộ tiền gốc lẫn tiền lời cho ông T. Nhưng quá hẹn X vẫn không thực hiện theo thoả thuận mà cứ hứa hẹn nhiều lần không trả. Hiện X chưa trả được đồng nào cho ông Tô Văn T. Tổng số tiền X đã chiếm đoạt của ông Tô Văn T là 2.000.000.000 đồng. Ông Tô Văn T có đơn yêu cầu X phải trả số tiền 2.000.000.000 đồng.

Vụ thứ ba: vào khoảng tháng 3/2022, do có mối quan hệ quen biết cùng xóm với bà Nguyễn Thị C (sinh năm 1968, trú tại xã B, huyện Đ, tỉnh nghệ An) nên Lê Thị Thanh X chủ động liên hệ với bà C đặt vấn đề cùng góp vốn mua đất của anh N (anh trai ruột của X) ở thị trấn Đ, tỉnh Nghệ An để đầu tư bán kiếm lời. Lúc đó, X nói với bà C "X đã lo được 1.600.000.000 đồng, còn đang thiếu 2.000.000.000 đồng và hiện nay đã có người đặt cọc cho X 40.000.000 đồng, trong thời gian 02 tháng sẽ bán và trả tiền gốc và tiền lời". Để cho bà C tin tưởng, X đã đưa cho bà C giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phô tô màu số DB 756598 mang tên Lê Thị Thanh X thửa đất 1554 tờ bản đồ số 14 thuộc xóm T, xã B, huyện Đ, tỉnh Nghệ An, với mục đích làm tin. Thửa đất nêu trên là có thật, X đã chuyển quyền sử dụng đất đó cho vợ chồng ông Ngô Trí L1 và bà Hoàng Thị T1, cùng trú tại xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Do tin tưởng lời nói X nên bà C đã đưa tiền mặt cho X nhiều lần với tổng số tiền 2.000.000.000 đồng để cùng đầu tư mua đất. Sau 02 tháng như đã hẹn X không thực hiện cam kết nên bà C đã chủ động đến gặp X để đòi lại số tiền trên, nhưng X không trả và đưa ra nhiều lý do để trốn tránh trả tiền cho bà C. Sau khi chiếm đoạt số tiền trên của bà C, X đã sử dụng vào mục đích cá nhân. Tổng số tiền X đã chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị C là 2.000.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị C có đơn yêu cầu X trả lại số tiền 2.000.000.000 đồng.

Vụ thứ tư: vào khoảng tháng 3 năm 2022, Lê Thị Thanh X thuê anh Hoàng Văn Đ (sinh năm 1979, trú tại xã Bồ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An) xây dựng xưởng kho tại thửa đất của X ở xóm T, xã B, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Đến cuối tháng 4/2022, sau khi anh Đ xây dựng nhà kho xong, để có tiền sử dụng mục đích cá nhân và cũng như trả nợ tiền công, vật liệu cho anh Đ nên X đã chủ động hỏi anh Đ "có nhu mua đất đã xây nhà kho không và bán cho anh Đ với giá rẻ 1.800.000.000 đồng. Nghe vậy, anh Đ nhất trí mua và đưa cho X 900.000.000 đồng tiền mặt và trừ 800.000.000 đồng tiền nợ công, vật liệu trước đó mua của anh Đ. Sau đó, anh Đ và X đến Ủy ban nhân dân xã Bồi Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An làm hợp đồng đặt cọc đã thanh toán cho X 1.700.000.000 đồng, có xác nhận của chính quyền địa phương và X cam kết sau 03 tháng sẽ làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất 1554 tờ bản đồ số 14 thuộc xóm Thắng Lợi, xã Bồi Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, diện tích 158,9 m^2 cho anh Đồng và anh Đồng sẽ trả đủ số tiền 100.000.000 đồng còn lại. Trước đó, anh Đ có hỏi X hiện nay Giấy chứng nhận QSDĐ (gọi là bìa đất) đang ở đâu thì X nói "đang cắm ở Ngân hàng, sau khi nhận tiền từ anh Đ thì X sẽ đi rút bìa đất về làm thủ tục sang tên cho anh Đ". Nhưng đến tháng 8/2022, X đã làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất trên cho chị Hoàng Thị T1 (sinh năm 1973, trú tại xã Tràng

Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An) với số tiền 1.300.000.000 đồng mà không thực hiện như cam kết hứa hẹn. Sau khi chiếm đoạt số tiền trên của anh Đồng xong, X đã đem sử dụng vào mục đích cá nhân.

Tổng số tiền X đã chiếm đoạt của anh Hoàng Văn Đ là 1.700.000.000 đồng. Anh Hoàng Văn Đ có đơn yêu cầu X trả lại số tiền 1.700.000.000 đồng.

Tại Bản án số 25/2024/HS-ST ngày 25-01-2024, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b và s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; xử phạt Lê Thị Thanh X 20 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự buộc Lê Thị Thanh X bồi thường cho các bị hại gồm bà Ngô Thị M số tiền 470.000.000 đồng, ông Tô Văn T số tiền là 2.000.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị C số tiền 2.000.000.000 đồng và anh Hoàng Văn Đồng số tiền là 1.700.000.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định việc xử lí vật chứng, về án phí theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Vào ngày 31-01-2024, bà Ngô Thị M kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo; xử lí việc bị cáo làm bìa đỏ giả để thực hiện hành vi lừa đảo; bà Nguyễn Thị C kháng cáo cho rằng bị cáo có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của bà tổng số 7.910.000.000 đồng không phải chiếm đoạt 2.000.000.000 đồng như kết luận của Tòa án cấp sơ thẩm.

Ngày 05-02-2024, ông Tô Văn T kháng cáo đề nghị buộc bị cáo thực hiện việc bồi thường số tiền 2.000.000.000 đồng cho ông.

Tại phiên tòa:

Các bị hại giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đối với bị cáo.

Bị cáo cho rằng chỉ nhận của bà C 2.000.000.000 đồng để góp tiền mua đất; số còn nợ khác là do vay lãi suất cao. Bị cáo đề nghị không chấp nhận kháng cáo tăng hình phạt của bị hại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao cho rằng căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ kết luận bị cáo chiếm đoạt của các bị hại tổng số 6.780.000.000 đồng, trong đó của bà C là 2.000.000.000 đồng. Khoản tiền khác bà C cho rằng bị cáo chiếm đoạt chưa được điều tra, xử lí trong vụ án này nên không có căn cứ xem xét.

Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo 20 năm tù là có căn cứ; buộc bị cáo bồi thường số tiền chiếm đoạt cho bị hại là đúng. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị hại.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Do cần tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân, Lê Thị Thanh X đã nảy sinh ý thức chiếm đoạt tiền của các bị hại bằng thủ đoạn gian dối mời góp vốn đầu tư cùng với X mua các thửa đất để bán, kiếm lợi nhuận cao. Để cho các bị hại tin tưởng góp tiền mua đất X đã lấy hai giấy chứng nhận quyền sử dụng số DB862528, thửa đất 1589 tờ bản đồ số 14 và số DB756598 đất 1554 tờ bản đồ số 14 đều mang tên Lê Thị Thanh X ở xóm T Lợi, xã Bồi Sơn, huyện Đô Lương là bản gốc đưa đến hiệu phô tô màu in ra rồi đưa cho bà M, bà C nhằm chứng minh X kinh doanh buôn bán bất động sản là có thật, nhưng khi nhận tiền của các bị hại X không thực hiện như đã cam kết mà sử dụng vào mục đích cá nhân. Từ tháng 11/2021 đến tháng 3/2022, Lê Thị Thanh X đã nhiều lần sử dụng các thủ đoạn gian dối, chiếm đoạt tiền của bà Ngô Thị M số tiền 1.080.000.000 đồng; ông Tô Văn T số tiền 2.000.000.000 đồng; anh Hoàng Văn Đ số tiền 1.700.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị C số tiền 2.000.000.000 đồng.

Tại các phiên tòa, bà Nguyễn Thị C cho rằng Lê Thị Thanh X đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của bà với tổng số tiền 7.910.000.000 đồng nhưng bị cáo chỉ bị truy tố, xét xử về hành vi chiếm đoạt của bà 2.000.000.000 đồng là không đúng; tuy nhiên, theo các tài liệu photocoppy do bà C cung cấp và trình bày tại các phiên tòa. Xét thấy, đơn và các yêu cầu của bà đã được cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An chuyển đến phòng Cảnh sát hình sự công an tỉnh Nghệ An để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền, theo Thông báo số 525/VPCQCSĐT(Đ3) ngày 15/9/2023. Do đó các yêu cầu khác của bà C chưa được điều tra, truy tố trong vụ án này nên không có căn cứ để xem xét. Theo các tài liệu, chứng cứ hiện có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ kết luận tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại nêu trên là 6.780.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng; bị cáo còn phạm vào tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên; tuy nhiên, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường 1 phần thiệt hại cho bà Ngô Thị M; chưa có tiền án, tiền sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết của vụ án và nhân thân bị cáo kết án Lê Thị Thanh X 20 năm tù là đúng. Không có căn cứ tăng hình phạt đối với bị cáo theo yêu cầu kháng cáo của bị hại.

Đối với việc X dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản photocoppy màu đưa cho bị hại để làm tin nhằm chiếm đoạt tài sản. Quá trình điều tra xác định X đem những giấy chứng nhận quyền sử dụng gốc (là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thật của X) đến hiệu phôtô in màu tại thành phố Vinh (X không nhớ địa chỉ) rồi in ra đưa cho bị hại, việc X đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản photocoppy màu đều sau khi nhận được tiền với mục đích tạo niềm tin cho các bị hại tin tưởng việc X kinh doanh bất động sản là có thật, chứ

không ngoài mục đích khác. Không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi làm và sử dụng giấy tờ giả.

Về trách nhiệm dân sự: bà Ngô Thị M yêu cầu bị cáo bồi thường 610.000.000 đồng. Tại các phiên tòa bà M và bị cáo đều thống nhất bà M đã đưa tiền nhiều lần cho bị cáo với tổng số tiền 1.080.000.000 đồng, sau đó bị cáo đã trả cho bà M 470.000.000 đồng.

Ngoài ra, bà M còn nhận 140.000.000 đồng gọi là tiền lời buôn đất từ bị cáo. Bị cáo đề nghị xem xét đối trừ khoản tiền này. Xét thấy, bị cáo sau khi nhận tiền đã sử dụng vào mục đích cá nhân, giữa bị cáo và bà M không mua chung thửa đất nào, việc thỏa thuận góp tiền mua đất cũng không thể hiện mua thửa đất nào. Hơn nữa trong khoảng thời gian này bị cáo cũng không mua thửa đất nào. Do đó, không có căn cứ để xem xét khoản tiền 140.000.000 đồng bị cáo đưa cho bà M là tiền lời mua bán đất; có căn cứ xác định bị cáo đã trả cho bà M 610.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường cho bà Ngô Thị M số tiền còn chiếm hưởng là 470.000.000 đồng là đúng. Ngoài ra, trong vụ án này có căn cứ xác định bị cáo chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị C 2.000.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường số tiền này cho bà C là có căn cứ.

Đối với việc ông T yêu cầu bị cáo thực hiện ngay việc bồi thường số tiền 2.000.000.000 đồng; nội dung này thuộc thẩm quyền của cơ quan thi hành án theo quy định của pháp luật.

[2]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đã có hiệu lực pháp luật.

[3]. Bị cáo không phải nộp án phí phúc thẩm. Bà C, ông T phải nộp án phí phúc thẩm dân sự theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của các bị hại Ngô Thị M, Tô Văn T, Nguyễn Thị C và giữ nguyên Bản án số 25/2024/HS-ST ngày 25-01-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An như sau:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b và s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; xử phạt Lê Thị Thanh X 20 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25-3-2023.

- Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật dân sự buộc Lê Thị Thanh X bồi thường cho các bị hại gồm: bà Ngô Thị M số tiền 470.000.000 đồng, ông Tô Văn T số tiền là 2.000.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị C số tiền 2.000.000.000 đồng.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm nêu trên đã có hiệu lực pháp luật.

3. Bà Nguyễn Thị C và ông Tô Văn T mỗi người phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận ông T và bà C đã nộp số tiền trên vào ngày 01-3-2024, tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Công an tỉnh Nghệ An;
- Trại tạm giam CA tỉnh Nghệ An (02 bản để giao cho bị cáo 01 bản);
- Cục T.H.A DS tỉnh Nghệ An;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Phòng HC-TP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tất Nam